| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐÔ LƯƠNG**<br>TỈNH NGHỆ AN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 96/2024/QĐST-HNGĐ | Đô Lương, ngày 27 tháng 6 năm 2024 |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Y. Sinh năm 199x. Địa chỉ xóm A, xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C. Sinh năm 199x. Địa chỉ xóm A, xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn C.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn C.

- *Về con chung:* Giao cho chị Trần Thị Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (Hai) con chung chưa thành niên là Nguyễn Ngọc D – sinh ngày 11/9/201x, Nguyễn Anh Th – sinh ngày 23/10/201x cho đến khi đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ giao tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị Y với số tiền 2.500.000 (Hai

triệu, năm trăm nghìn) đồng/01 (Một) con chung/ 01 (Một) tháng, thực hiện từ tháng 6 năm 2024.

Chị Trần Thị Y được nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung từ anh Nguyễn Văn C với số tiền 2.500.000 (Hai triệu, năm trăm nghìn) đồng/01 (Một) con chung/01 (Một) tháng, thực hiện từ tháng 6 năm 2024.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Trần Thị Y, anh Nguyễn Văn C đều không yêu cầu Toà án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị Y tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án đã nạp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009528 ngày 10/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

**3.** Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã ĐS;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hồng Hà**